TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN HẢI** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-05-2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phan Văn Tịnh.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lê Thị Hoàng Mai
2. Ông Lê Việt Hồng
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Thanh Toàn - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 31 tháng 05 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc: "*Xin ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị Huỳnh N, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp TT, xã LS, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Trương Hoài D, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp TT, xã LS, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đào Thị Huỳnh N trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Như và ông Du kết hôn với nhau vào ngày 04/03/2016 trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lại Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường

xuyên cải nhau, dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt, vì vậy ông bà đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Bà Như yêu cầu được ly hôn với ông Du.

- Về con chung: Quá trình chung sống với nhau có được một người con chung tên Trương Kim Ngọc, sinh ngày 28/11/2014, giới tính nữ. Hiện nay con đang sống chung với bà Như và gia đình cha mẹ ruột của bà Như, khi ly hôn bà Như yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông Du cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và cũng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Trương Hoài D vắng mặt nên không có lời trình bày.

3. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau: Giấy trích lục kết hôn (bản sao); 01 Giấy khai sinh của Trương Kim Ngọc (bản sao).

Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trương Hoài D nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Trương Hoài D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Như và ông Du kết hôn với nhau vào ngày 04/03/2016 được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái với đạo đức xã hội nên theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cải nhau, dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt, vì vậy ông bà đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian ly thân vợ chồng không có biện pháp hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Như yêu cầu ly hôn với ông Du nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Xét về quyền nuôi con chung: Bà Như và ông Du có một người con chung tên Trương Kim Ngọc, sinh ngày 28/11/2014, giới tính nữ. Từ trước đến nay bà Như là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, khi ly hôn bà Như yêu cầu được tiếp tục được nuôi con cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông Du cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Du không có mặt

nên cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, hiện nay con đang sống chung với bà Như được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt nên giao con cho bà Như trực tiếp nuôi dưỡng, ông Du không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Như cho rằng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Du vắng mặt nên không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đào Thị Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0008511 ngày 30/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Bà Như đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho nguyên đơn bà Đào Thị Huỳnh N được ly hôn với bị đơn ông Trương Hoài D.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Kim Ngọc, sinh ngày 28/11/2014, giới tính nữ cho bà Đào Thị Huỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trương Hoài D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trương Hoài D có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đào Thị Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0008511 ngày 30/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Bà Như đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản ản được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Các Điều 7a,7b Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Kiên Hải;*
- *Chi cục THADS Kiên Hải;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Tịnh